TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 98 /2019/HSST
Ngày: 26/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Hoa Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quang – Nghề nghiệp: Công chức

2. Bà Vũ Thị Minh Huệ- Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh **–** Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà*: Ông Hoàng Kim Đức**– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2019/HSST ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Lương Trường S

- Tên gọi khác: S Nám. - Giới tính: Nam.
- Sinh năm 1979, tại Bình Thuận.
- Nơi ĐKTT: Khu phố x, P T, P, Bình Thuận.
- Nơi ở: như trên.
- Nghề nghiệp: không. - Chức vụ: không.
- Dân tộc: Kinh. - Quốc tịch: Việt Nam.
- Tôn giáo: Đạo phật. - Trình độ học vấn: 9/12.
- Cha: Lương Văn H, sinh năm 1950.
- Mẹ: Lê Thị B, sinh năm 1951.
- Gia đình có 3 chị em ruột, bị can là con thứ 2.
- Vợ, con: Chưa có.
- Tiền án:

+ Ngày 26/9/2000, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam" và 30 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 61/HSST.

+ Ngày 25/12/2000, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 24/HSST.

+ Ngày 05/7/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 81/2005/HSST.

+ Ngày 04/11/2011, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 42 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 85/2011/HSST.

+ Ngày 28/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 27/2012/HSST. Bị can đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 01/9/2018.

- Tiền sự: không.

- Nhân thân: Ngày 11/12/1996, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân" theo Bản án số 100/HSST.

Bị can bị bắt ngày 23/7/2019, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L.

**** Bị hại:***

1. **Hoàng Kim T–** sinh năm: 1988 (vắng mặt); địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

2. **Nguyễn Văn T-** sinh năm: 1989 (vắng mặt); địa chỉ: Khu phố x, phường P, thị xã L, Bình Thuận.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. **Nguyễn Văn Đ**- sinh năm: 1977 (vắng mặt); địa chỉ: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Trường S, sinh năm 1979, có hộ khẩu tại Khu phố x, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, là đối tượng có nhiều tiền án, mới chấp hành hình phạt tù xong ngày 01/9/2018 nhưng không chịu lao động, lại nghiện ma túy nên tiếp tục phạm tội để có tiền tiêu xài. Tại địa bàn thị xã L, S đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng cuối tháng 12 năm 2018, Lương Trường S đến chơi và ở lại nhà anh Nguyễn Duy P (sn 1992) tại thôn H, xã T, thị xã L (S quen P do cùng chấp hành án phạt tù tại Trại giam Công an tỉnh Bình Thuận). Sau vài ngày, S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.52 của anh Hoàng Kim T (sn 1988) là anh rể của P để bán lấy tiền tiêu xài. Chiều ngày 25/12/2018, thấy xe mô tô của anh T để ở nhà, có sẵn chìa khóa, S gọi điện cho anh P nói mượn xe mô tô của anh T về thành phố P thăm gia đình, S nói đã gọi điện thoại cho anh T rồi, nhưng thực tế S chưa gọi. Sau đó, S lấy xe mô tô của anh T điều khiển xuống trung tâm thị xã L với ý định nghỉ lại đến sáng hôm sau đem xe vào Đ tiêu thụ (trong cốp xe có giấy chứng minh nhân dân của anh T). Do không có tiền nên đến giữa

đêm, S về lại nhà anh P hỏi mượn tiền thì được ông Nguyễn Thái H (cha anh P) cho mượn 500.000 đồng. S xuống thuê phòng nghỉ tại khu vực trung tâm thị xã L và tắt nguồn điện thoại với mục đích để gia đình anh P không liên lạc được. Sáng ngày 26/12/2018, S điều khiển xe mô tô của anh T vào Khu phố x, phường X, thành phố L, tỉnh Đ cầm cố cho anh Nguyễn Hồng H (sn 1977) với số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 28/12/2018, S đã chuộc lại xe và bán cho anh Nguyễn Văn Đ (sn 1977; trú tại: X T, L, Đ) với giá 26.000.000 đồng. Khi cầm cố và bán xe, S đều xưng tên Hoàng Kim T. Anh H và anh Đ đều không biết xe mô tô do S phạm tội mà có. Sau khi mua, anh Đ bán lại xe mô tô này cho anh Nguyễn Trúc T (sn 1998; trú tại: X, L, Đ) với giá 30.500.000 đồng. Nghĩ việc mua bán hoàn toàn hợp pháp nên anh Nguyễn Trúc T liên lạc với anh Hoàng Kim T nhờ ký hợp đồng mua bán để sang tên sở hữu. Lúc này, anh Hoàng Kim T đã trình báo Cơ quan Công an thu giữ xe mô tô của mình từ anh Nguyễn Trúc T để điều tra giải quyết. Sau khi biết rõ nguồn gốc bất hợp pháp của xe mô tô mua của Lương Trường S, anh Nguyễn Văn Đ đã hoàn trả lại tiền bán xe cho anh Nguyễn Trúc T.

Theo kết luận định giá ngày 20/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận trị giá xe mô tô YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.xx của anh Hoàng Kim T là 31.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Đầu tháng 6 năm 2019, Lương Trường S quen biết với anh Nguyễn Văn T (sn 1989; trú tại: Khu phố x, phường P, thị xã L) nên đến chơi và ở lại tại quán Karaoke T (Khu phố x, T T, L) là nơi anh T làm việc. Tại đây, thấy anh T sử dụng xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx (mượn của Lê Văn C) nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sáng ngày 14/6/2019, S hỏi mượn xe của anh T, nói dối là để đi công việc. S chạy xe đến nhà bạn tên Nguyễn Quốc D (sn 1995) tại Thôn x, xã M, huyện H chơi. Tại đây, lợi dụng khi anh D không chú ý, S đã tháo lấy biển kiểm soát 86 C1 – 536.xx trên xe mô tô của anh D gắn vào xe của anh C rồi điều khiển về thành phố P. Trên đường đi, S tiếp tục tháo dàn áo phía trước xe vứt bỏ và mua tem khác dán vào xe nhằm mục đích không bị phát hiện. Thời gian sau đó, S sử dụng xe mô tô này làm phương tiện đi lại rồi cầm cho một người quen tên B (không rõ nhân thân lai lịch cụ thể) lấy số tiền 2.000.000 đồng tiêu xài. Đến ngày 23/7/2019, biết mình bị Công an truy tìm, S đã chuộc lại xe đem đến Công an thị xã L trình diện và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Sau khi biết tin S bị bắt, anh Nguyễn Quốc D đã đem biển kiểm soát xe mô tô 86 B6 – 405.xx giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L.

Theo kết luận định giá ngày 20/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận trị giá xe mô tô YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx của anh Lê Văn C là 29.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản định giá trong 2 vụ lừa đảo: **60.000.000đ**

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.xx và giấy đăng ký xe cho anh Hoàng Kim T, trả lại xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx cho anh Lê Văn C, trả lại biển kiểm soát 86 C1 – 536.xx cho anh Nguyễn Quốc D.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì thêm, anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu bị caó Lương Trường S hoàn trả lại số tiền đã mua xe là 26.000.000 đồng.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 95/CT-VKS ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Lương Trường S, về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lương Trường S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

* Áp dụng: Điểm b, c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

* Xử phạt bị cáo Lương Trường S, mức án từ 05 năm đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lương Trường S phải trả lại số tiền 26.000.000 đồng cho anh Nguyễn Văn Đ.

- **Ý kiến của bị cáo**: Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

- **Ý kiến của bị hại:** Tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt, sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, về bồi thường dân sự và hình phạt đối với bị cáo các bị hại không có ý kiến gì.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ, tuy nhiên quá trình điều tra anh Đ trình bày yêu cầu bị cáo Lương Trường S phải hoàn trả lại cho anh số tiền đã mua xe là 26.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến gì trước khi HĐXX vào phòng nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Lương Trường S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận: Cuối tháng 12 năm 2018 bị cáo đã dùng lời nói gian dối với người nhà của anh Hoàng Kim T, trú tại Thôn H, xã T, thị xã L, Bình Thuận, cho bị cáo S mượn xe mô tô về P thăm nhà, nhưng thực chất là chiếm đoạt xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.xx của anh Hoàng Kim T bán lấy tiền tiêu xài, để bán được xe bị cáo đã giả mạo tên chủ xe, tên của anh T theo giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân trong cốp xe. Bị cáo bán xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.xx cho anh Nguyễn Văn Đ với giá 26.000.000đ, giá trị chiếc xe được hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định là 31.000.000đ.

Đến tháng 6 năm 2019 vẫn thủ đoạn gian dối như cũ, bị cáo Lương Trường S đến chỗ người quen là anh Nguyễn Văn T**,** trú tại khu phố x, phường P, thị xã L, Bình Thuận, đang làm việc tại quán karaoke T, thuộc khu phố x, T, L, bị cáo hỏi mượn xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx, xe anh T mượn của Lê Văn C, để bị cáo S đi công việc và bị cáo đã chiếm đoạt nhằm bán lấy tiền tiêu xài. Trên đường tìm nơi tiêu thụ, bị cáo thay đổi bảng số xe, tháo dàn áo phía trước xe vứt bỏ và mua tem khác dán vào xe, tránh sự phát hiện của mọi người. Giá trị xe mô tô YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx được hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định là 29.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Lương Trường S lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 60.000.000đ.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự :

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:…

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Tái phạm nguy hiểm;…"

Đối chiếu với quy định của pháp luật nêu trên, bị cáo Lương Trường S liên tục phạm tội chiếm đoạt vào các thời gian như: Năm 1996, tháng 9 năm 2000, tháng 12 năm 2000, năm 2005, bị Tòa án tỉnh Bình Thuận và các huyện H, thành phố P, T xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Năm 2011 bị Tòa án H xét xử về tội "Trộm

cắp tài sản", năm 2012 Tòa án H xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", ngoài ra bị cáo còn bị xử về tội "Trốn khỏi nơi giam". Ngay từ khi còn là vị thành niên, bị cáo không học hành đến nơi đến chốn, không tìm kiếm việc làm lương thiện, bị cáo kiếm tiền tiêu xài, sinh sống bằng cách gian dối với người khác để chiếm đoạt tài sản của bị hại đem bán lấy tiền. Bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/9/2018, bản án gần nhất là bản án số 27/2012/HSST ngày 28/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện H, bản án này đã xác định bị cáo tái phạm nguy hiểm, đến nay bị cáo Lương Trường S chưa được xóa án tích đã phạm tội mới. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Lương Trường S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Lương Trường S về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Lương Trường S đã dùng thủ đoạn gian dối, đánh lừa người có tài sản, làm cho người có tài sản, người đang quản lý tài sản, tin tưởng giao tài sản cho bị cáo sử dụng để bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian từ cuối năm 2018 đến giữa năm 2019 bị cáo Lương Trường S đã 02 lần bằng lời nói gian dối để chiếm đoạt tài sản là xe mô tô hiệu YAMAHA Exciter biển kiểm soát 60 B7 – 348.xx và xe mô tô YAMAHA Exciter biển kiểm soát 86 B6 – 405.xx, vì vậy hành vi của bị cáo thuộc trường hợp "phạm tội 2 lần trở lên" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn. Sau một thời gian chiếm đoạt xe mô tô do anh Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng, bị cáo S đã tự giác đầu thú giao nộp tài sản chiếm đoạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo Lương Trường S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức được "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác" là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo lao động, học tập, giáo dục trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không nghề nghiệp, không có khả năng nộp tiền phạt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự 2015, cần buộc bị cáo Lương Trường S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 26.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo Lương Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 174, Điểm g khoản 1 Điều 52, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lương Trường S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lương Trường S: **06 (sáu) năm tù**; Thời hạn bị cáo Lương Trường S chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/7/2019.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lương Trường S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 26.000.000 đồng

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo Lương Trường S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**26/112019**).

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Công an thị xã L;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*
- *UBND nơi BC cư trú;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG THỊ HOA NGA

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LAGI, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Huệ– Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Văn Quang – Nghề nghiệp: Công chức.

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: Lương Trường Sơn bị VKSND thị xã LaGi truy tố về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1/ <u>Về tội danh</u>: Bị cáo Lương Trường Sơn , phạm tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

2/ <u>Về điều luật áp dụng</u>: Điểm b,c, d Khoản 2 Điều 174; Điểm g Khoản 1 Điều 52, điểm s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 122, Điều 127, Điều 131 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

3/ <u>Về mức hình phạt</u>: Xử phạt bị cáo Lương Trường Sơn ……. (……) năm tù; Thời hạn bị cáo Lương Trường Sơn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/7/2019.

Về dân sự: Buộc bị cáo Lương Trường Sơn phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đạt số tiền 26.000.000 đồng

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

4/ Các vấn đề khác:

Án phí: Bị cáo Lương Trường Sơn phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**26/11/2019**).

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

CÁC HỘI THẨM ND	**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** **THẨM PHÁN**
	Đặng Thị Hoa Nga